

Bản án số: 13/2018/HNGĐ-ST.

Ngày 04/4/2018.

V/v “Ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO THẮNG, TỈNH LÀO CAI

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà:* Ông Bùi Ngọc Thanh.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lý Seo Vân;

2. Bà Trần Thị Huệ .

- *Thư ký phiên toà:* Ông Nguyễn Mạnh Cường – Thư ký Toà án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa:* Bà Dương Thị Mai Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2018 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 307/2017/TLST – HNGĐ, ngày 14 tháng 12 năm 2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2018/QĐXXST–HNGĐ, ngày 12 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị T - Sinh năm 1965.

Địa chỉ: Thôn Cốc S3, xã P, huyện B, tỉnh Lào Cai.

2. *Bị đơn:* Ông Doãn Văn H - Sinh năm 1965.

Địa chỉ: Thôn Cốc S3, xã P, huyện B, tỉnh Lào Cai.

3. *Người làm chứng:*

+ Anh Doãn Văn H - Sinh năm 1991;

Địa chỉ: Thôn H, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 12 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Phạm Thị T trình bày: Bà Phạm Thị T và ông Doãn Văn H chung sống với nhau từ năm 1989 đến nay, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện B, tỉnh Lào Cai, nhưng đến nay giấy đăng ký kết hôn đã bị thất lạc. Trong quá trình chung sống bà Phạm Thị T và ông Doãn Văn H sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Doãn Văn H nghi ngờ bà Phạm Thị T không chung thủy, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Từ năm 2012 bà

Phạm Thị T và ông Doãn Văn H mặc dù sống chung một nhà nhưng đã ly thân không có bất cứ quan hệ gì với nhau. Đến nay bà Phạm Thị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, bà Phạm Thị T đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai, giải quyết cho bà Phạm Thị T được ly hôn với ông Doãn Văn H.

Về con chung: Bà Phạm Thị T và ông Doãn Văn H có 02 con chung là anh Doãn Văn H- Sinh ngày 14/4/1991 và chị Doãn Thị H - Sinh ngày 28/11/1992. Hiện 02 người con chung của bà Phạm Thị T và ông Doãn Văn H đã trưởng thành, tạo lập cuộc sống riêng nên bà Phạm Thị T không đề nghị Tòa án giải quyết về việc nuôi con chung.

Về tài sản chung: Khi ly hôn bà Phạm Thị T, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các tự bản khai cũng như tại phiên tòa, bị đơn ông Doãn Văn H trình bày: Về quan hệ hôn nhân ông Doãn Văn H thừa nhận có đăng ký kết hôn với bà Phạm Thị T vào năm 1989 tại UBND xã P, huyện B, tỉnh Lào Cai, nhưng hiện nay giấy đăng ký kết hôn đã bị thất lạc, ông Doãn Văn H không thể cung cấp được tài liệu chứng minh ông và bà Phạm Thị T có đăng ký kết hôn năm 1989. Ông Doãn Văn H cũng xác định trong quá trình chung sống ông và bà Phạm Thị T có cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2010 thì vợ chồng phát sinh xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bà Phạm Thị T có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, bản thân ông Doãn Văn H không chấp nhận được, nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Từ năm 2012 đến nay ông và bà Phạm Thị T sống ly thân không có bất cứ quan hệ gì với nhau. Nay bà Phạm Thị T xin ly hôn, ông Doãn Văn H đồng ý ly hôn. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai giải quyết theo quy định của Pháp luật.

Về con chung: Ông Doãn Văn H thừa nhận ông và bà Phạm Thị T có 02 con chung như bà Phạm Thị T trình bày là đúng. Hiện 02 người con chung của ông và bà Phạm Thị T đã trưởng thành nên ông Doãn Văn H không đề nghị Tòa án giải quyết về việc nuôi con chung.

Về tài sản chung: Ông Doãn Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử, giải quyết cho bà Phạm Thị T được ly hôn với ông Doãn Văn H. Ngoài ra bà Phạm Thị T không có yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa, phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa là đúng theo các quy định của pháp luật, đảm bảo đúng trình tự luật định; không vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử; Viện kiểm sát nghiên cứu hồ sơ đảm bảo đúng pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Khoản 1, Điều 9; Khoản 1, Điều 14; Khoản 2, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa bà Phạm Thị T và ông Doãn Văn H là vợ chồng.

Tuyên nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về hôn nhân*: Nguyên đơn, bà Phạm Thị T khởi kiện xin ly hôn với ông Doãn Văn H. Nguyên nhân là do từ năm 2012 ông Doãn Văn H nghi ngờ bà Phạm Thị T có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, dẫn tới trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên đánh và cãi nhau, tình cảm vợ chồng không còn. Từ năm 2012 đến nay ông Doãn Văn H và bà Phạm Thị T mặc dù sống chung một nhà, nhưng đã ly thân không có bất cứ quan hệ gì với nhau.

Hội đồng xét xử xét thấy: Lời khai của các đương sự phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với lời khai người làm chứng anh Doãn Xuân H là con đẻ của bà Phạm Thị T và ông Doãn Văn H đã xác định "*Từ năm 2012 ông Doãn Văn H có nghi ngờ bà Phạm Thị T có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, trong cuộc sống ông Doãn Văn H và bà Phạm Thị T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, gia đình cũng đã góp ý nhưng không thể thay đổi được. Sau đó ông Doãn Văn H và bà Phạm Thị T sống ly thân không quan tâm đến nhau*". Như vậy, tình trạng hôn nhân của bà Phạm Thị T và ông Doãn Văn H đã trầm trọng; mục đích của hôn nhân không đạt được, nên bà Phạm Thị T yêu cầu được ly hôn với ông Doãn Văn H là có căn cứ.

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết tại Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai ông Doãn Văn H và bà Phạm Thị T đều khai có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện B, tỉnh Lào Cai năm 1989. Nhưng quá trình xác minh tại UBND xã P, huyện B, tỉnh Lào Cai cũng không có lưu trữ thông tin về việc đăng ký kết hôn giữa bà Phạm Thị T và ông Doãn Văn H. Các đương sự cũng không thể cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh về việc có đăng ký kết hôn. Do đó không có cơ sở để xác định hôn nhân giữa bà Phạm Thị T và ông Doãn Văn H từ năm 1989 đến nay là hôn nhân hợp pháp, mà cần xác định bà Phạm Thị T và ông Doãn Văn H chung sống từ năm 1989 đến nay không đăng ký kết hôn.

Việc chung sống với nhau không đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là trái quy định tại điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Hôn nhân không hợp pháp, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. Do đó cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm Thị T và ông Doãn Văn H là phù hợp với khoản 2, điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] *Về con chung*: Quá trình chung sống, bà Phạm Thị T và ông Doãn Văn H có 02 con chung là anh Doãn Văn H - Sinh ngày 14/4/1991 và chị Doãn Thị H -

Sinh ngày 28/11/1992. Hiện 02 con chung của bà Phạm Thị T và ông Doãn Văn H đã trưởng thành, đã tạo lập cuộc sống riêng nên bà Phạm Thị T và ông Doãn Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] *Về tài sản chung*: Bà bà Phạm Thị T và ông Doãn Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] *Về án phí*: Bà Phạm Thị T phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của Pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1, Điều 9; Khoản 1, Điều 14; Khoản 2, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. *Về hôn nhân*: Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa bà Phạm Thị T và ông Doãn Văn H là vợ chồng.

2. *Về án phí*: Bà Phạm Thị T phải chịu 300.000VNĐ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí đã nộp 300.000VNĐ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0007420 ngày 14 tháng 12 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Bảo Thắng (02);
- Chi cục THADS huyện Bảo Thắng;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Lưu tập án VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Ngọc Thanh